

**PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN 3800-3900 MHz (KHỐI BĂNG
TẦN C₃) CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG
THEO TIÊU CHUẨN IMT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT ngày / /2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**PHẦN I. THÔNG TIN VÀ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG BĂNG TẦN, THỜI
HẠN CỦA GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**

1. Thông tin về băng tần đấu giá

Băng tần đấu giá là băng tần 3800-3900 MHz (khối băng tần C₃), được quy hoạch để triển khai các hệ thống thông tin di động theo tiêu chuẩn IMT-2020 và các phiên bản tiếp theo, sử dụng phương thức song công phân chia theo thời gian (TDD) theo Thông tư số 13/2023/TT-BTTTT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy hoạch băng tần 3560-4000 MHz cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng IMT của Việt Nam.

2. Điều kiện sử dụng băng tần

Điều kiện sử dụng băng tần áp dụng cho các doanh nghiệp được cấp phép sử dụng khối băng tần C₃ như sau:

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2023/TT-BTTTT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các nội dung của giấy phép sử dụng băng tần.

- Tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan về thiết bị thu phát vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ trường;

- Phối hợp với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép ở băng tần liền kề trong việc sử dụng tần số vô tuyến điện và phòng tránh nhiễu có hại;

- Tuân thủ kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện tại khu vực biên giới để tránh nhiễu có hại;

- Thực hiện các quy định khác của Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Viễn thông và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn của giấy phép sử dụng băng tần

Doanh nghiệp trúng đấu giá được cấp giấy phép sử dụng băng tần với thời hạn 15 năm.

PHẦN II. YÊU CẦU CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

Yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông để đảm bảo phát triển viễn thông phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, hài hòa lợi ích của nhà nước, người dân và doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15 (Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

Yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông áp dụng cho doanh nghiệp tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần C₃ được quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Phương án tổ chức đấu giá này.

PHẦN III. GIÁ KHỞI ĐIỂM, BƯỚC GIÁ VÀ TIỀN ĐẶT TRƯỚC

1. Giá khởi điểm

Giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 18 Nghị định 63/2023/NĐ-CP.

Giá khởi điểm của khối băng tần C₃ cho 15 năm sử dụng là: 2.581.892.500.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn năm trăm tám mươi một tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Bước giá

Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản.

Bước giá áp dụng tại cuộc đấu giá khối băng tần C₃ là: 25.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng).

3. Tiền đặt trước

Tiền đặt trước áp dụng tại cuộc đấu giá khối băng tần C₃ là: 130.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm ba mươi tỷ đồng).

Việc thu nộp, xử lý tiền đặt trước được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

PHẦN IV. HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ

1. Hình thức đấu giá

Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá (theo điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Đấu giá tài sản).

2. Phương thức đấu giá

Đấu giá theo phương thức trả giá lên (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 58 Luật Đấu giá tài sản).

PHẦN V. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG ĐẤU GIÁ (NẾU CÓ)

1. Rút lại giá đã trả

Tại cuộc đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó (theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đấu giá tài sản).

Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá (theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đấu giá tài sản).

2. Từ chối kết quả trúng đấu giá

Sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá.

Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành (theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Đấu giá tài sản).

3. Xử lý tình huống đấu giá trong trường hợp chỉ có một tổ chức đăng ký tham gia đấu giá, một tổ chức tham gia đấu giá, một tổ chức trả giá

Việc xử lý tình huống đấu giá trong trường hợp chỉ có một tổ chức đăng ký tham gia đấu giá, một tổ chức tham gia đấu giá, một tổ chức trả giá đối với khối băng tần C₃ (theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định 63/2023/NĐ-CP) được thực hiện như sau:

Khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá mà chỉ có một tổ chức đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều tổ chức đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một tổ chức tham gia cuộc đấu giá hoặc có nhiều tổ chức tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một tổ chức trả giá hoặc có nhiều tổ chức trả giá nhưng chỉ có một tổ chức trả giá cao nhất và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm thì khối băng tần C₃ được bán cho tổ chức đó.

Việc đấu giá khối băng tần C₃ trong trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, các văn bản quy định chi tiết Luật Đấu giá tài sản, quy định của

Nghị định 63/2023/NĐ-CP và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo về quá trình đấu giá và biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá trong trường hợp này ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật về đấu giá phải thể hiện quá trình đấu giá chỉ có một tổ chức đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều tổ chức đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một tổ chức tham gia cuộc đấu giá hoặc có nhiều tổ chức tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một tổ chức trả giá hoặc có nhiều tổ chức trả giá nhưng chỉ có một tổ chức trả giá cao nhất và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

4. Đấu giá không thành

Các trường hợp đấu giá không thành (theo quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, khoản 1 Điều 52 Luật Đấu giá tài sản) bao gồm:

- a) Đã hết thời hạn đăng ký mà không có người đăng ký tham gia đấu giá;
- b) Tại cuộc đấu giá không có người trả giá;
- c) Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản;
- d) Người đã trả giá rút lại giá đã trả theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản mà không có người trả giá tiếp;
- đ) Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản.

5. Xử lý tình huống đấu giá khác

Xử lý các tình huống đấu giá khác theo pháp luật đấu giá tài sản, Nghị định 63/2023/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

PHẦN VI. CÁC NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Các nội dung có liên quan bao gồm:

1. Điều kiện tham gia đấu giá

Tổ chức đã trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần 2500-2600 MHz (khối băng tần B₁) hoặc băng tần 3700-3800 MHz (khối băng tần C₂) không được tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần 3800-3900 MHz (khối băng tần C₃) theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2023/TT-BTTTT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy hoạch băng tần 3560-4000 MHz cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng IMT của Việt Nam.

2. Thời hạn nộp hồ sơ đề nghị xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo công khai phương án tổ chức đấu giá, tổ chức phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) thông qua một trong các phương thức sau: qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp. Các hồ sơ nộp không đúng thời hạn trên sẽ không được tiếp nhận và giải quyết (theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

3. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách tổ chức trúng đấu giá từ tổ chức đấu giá tài sản, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ra Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá gửi tổ chức trúng đấu giá (theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá gồm các thông tin: tổ chức trúng đấu giá, khối băng tần trúng đấu giá, thời hạn được phép sử dụng, số tiền trúng đấu giá, phương thức nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và trách nhiệm của tổ chức trúng đấu giá trong việc nộp đầy đủ, đúng hạn tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy phép sử dụng băng tần (theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

b) Kết thúc cuộc đấu giá, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo công khai thông tin về cuộc đấu giá trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

4. Cấp giấy phép sử dụng băng tần, giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức trúng đấu giá mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông phải nộp theo quy định để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần (theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định, tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần (theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

c) Tổ chức không nộp đủ, đúng hạn các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 63/2023/NĐ-CP thì không được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần. Bộ Thông tin và Truyền thông hủy bỏ Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá đối với tổ chức này (theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

5. Thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

a) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kết quả trúng đấu giá, tổ chức trúng đấu giá phải nộp một lần tối thiểu 50% số tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện (theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

b) Trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kết quả trúng đấu giá, tổ chức trúng đấu giá phải nộp tiếp một lần tối thiểu 50% số tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện còn lại, cộng với số tiền lãi tính theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định 63/2023/NĐ-CP (theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

c) Trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kết quả trúng đấu giá, tổ chức trúng đấu giá phải nộp tiếp một lần toàn bộ số tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện còn lại, cộng với số tiền lãi tính theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định 63/2023/NĐ-CP (theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định 63/2023/NĐ-CP).

6. Các nội dung khác

Các nội dung khác được thực hiện theo pháp luật về viễn thông, tần số vô tuyến điện, pháp luật đấu giá tài sản, Nghị định 63/2023/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**Phụ lục: YÊU CẦU CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
ÁP DỤNG CHO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
ĐỐI VỚI BĂNG TẦN 3800-3900 MHz (KHỐI BĂNG TẦN C₃)**

*(Kèm theo Phương án tổ chức đấu giá lại quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
đối với băng tần 3800-3900 MHz (khối băng tần C₃) cho hệ thống thông tin di
động mặt đất công cộng theo tiêu chuẩn IMT)*

TT	Yêu cầu cam kết	Nội dung
1	Số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	Sau 02 năm kể từ ngày được cấp phép sử dụng băng tần 3800-3900 MHz, cam kết triển khai tối thiểu 3000 trạm phát sóng 5G sử dụng băng tần 3800-3900 MHz.
2	Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép	Cam kết chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất sử dụng băng tần 3800-3900 MHz muộn nhất 12 tháng kể từ ngày được cấp phép sử dụng băng tần 3800-3900 MHz. <i>Tại thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất sử dụng băng tần 3800-3900 MHz, doanh nghiệp phải triển khai tối thiểu 30% số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện đã cam kết triển khai trong 02 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép sử dụng băng tần 3800-3900 MHz.</i>
3	Chất lượng dịch vụ viễn thông	- Cam kết tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 36:2022/BTTTT về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất và các Quy chuẩn sửa đổi, bổ sung/ thay thế Quy chuẩn này. - Cam kết tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 126:2021/BTTTT về Chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G và các Quy chuẩn sửa đổi, bổ sung/ thay thế Quy chuẩn này.
4	Chuyển vùng dịch vụ viễn thông	Trong điều kiện khả thi về công nghệ, kỹ thuật: cam kết thực hiện chuyển vùng dịch vụ viễn thông giữa các mạng khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để phục vụ các hoạt động viễn thông công ích; hoạt động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; hoạt động phòng, chống dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp theo quy định.